

xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H do các bị cáo mời:* Ông Nguyễn Đức Thịnh - Luật sư Văn phòng Luật sư Đức Thịnh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th do bị cáo mời:* Ông Nguyễn Văn Chiền - Luật sư Văn phòng Luật sư Đồng Bào Việt thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 - Trưởng thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Ông Trương Văn Ho, sinh năm 1968; Nguyên là Chủ tịch UBND xã G giai đoạn 2011-2012; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964; Nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã G giai đoạn 2011-2012; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1959; Nguyên là Chủ tịch Hội nông dân xã G giai đoạn 2011-2012; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 05 bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong giai đoạn từ năm 2009 - 2016, Ban quản lý thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh gồm Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Thọ. Trong đó, Nguyễn Văn Th là Trưởng thôn, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã G giao, chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động của thôn theo chức năng được pháp luật quy định. Nguyễn Văn H là Kế toán, Nguyễn Văn Th1 là Thủ quỹ Ban quản lý thôn Y. Thời gian từ năm 2011 - 2012, để có tiền chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn như: xây dựng đình làng, xây dựng nhà văn hóa, nhà trẻ, xây dựng đường giao thông nông thôn, mua sắm các trang thiết bị cần thiết cho thôn, Ban quản lý thôn Y đứng đầu là Nguyễn Văn Th đã thực hiện hành vi giao bán đất cho các hộ dân mặc dù không được cấp có thẩm quyền cho phép, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963: trú tại thôn Y, xã G, huyện T,

tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2011, Ban quản lý thôn Y bán cho ông Nguyễn Văn V một thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31, diện tích 240m² tại khu chăn nuôi thôn Y với giá 1.200.000 đồng/01m², thu được số tiền 288.000.000 đồng, thể hiện ở 02 phiếu thu tiền. Phiếu thu ngày 02/1/2011 số tiền 220.000.000 đồng; phiếu thu ngày 10/1/2011 số tiền 68.000.000 đồng. Nội dung: Nộp tiền đất thừa khu chăn nuôi, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và ông V. Ngày 10/01/2011, Nguyễn Văn Th đại diện Ban quản lý thôn tiến hành lập biên bản giao đất cho ông V. Do ông V muốn cho con trai là Nguyễn Văn Định thừa đất trên nên đã đề nghị Ban quản lý thôn lập biên bản giao đất viết tên Nguyễn Văn Đ. Tại biên bản giao đất thể hiện Ban quản lý thôn Y giao cho Nguyễn Văn Đ 299,5m² đất thuộc tờ bản đồ số 31 khu chăn nuôi thôn Y. Ông V là người ký tên chủ sử dụng đất trong biên bản giao đất. Thực tế ông V chỉ mua 240m² đất nhưng do diện tích đất mua giáp với diện tích đất gia đình ông đang sử dụng nên ông V cắt thêm 59,5m² đất từ diện tích mua trước đó (năm 1998) thành 299,5 m². Số tiền thu được từ việc bán đất cho ông V được Ban quản lý thôn Y nhập vào quỹ thôn và sử dụng để chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn.

Tại Công văn số: 96/CV-TNMT ngày 09/10/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T xác định:

- Thời điểm năm 2011, Ban quản lý thôn Y giao bán lô đất cho ông Nguyễn Văn V thì diện tích đất này có mục đích là đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính năm 1991 và 2004) do UBND xã G quản lý.

- Theo Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã G, huyện T thì vị trí lô đất trên được quy hoạch là đất ở.

- Đối với ông Nguyễn Văn V, qua kiểm tra hiện trạng thì đã xây dựng nhà ở trên đất tuy nhiên kết quả xác minh cho thấy ông V hiện đang có thửa đất ở và nhà ở khác trên địa bàn xã G, là thửa số 22 và 30 đều thuộc tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính năm 2004 nên căn cứ Khoản 2, Điều 18 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tại thời điểm hiện nay ông V không đủ điều kiện được xem xét cấp GCN QSD đất ở đối với diện tích đất mua từ BQL thôn Y năm 2011.

Thiệt hại của ông Nguyễn Văn V là số tiền **288.000.000 đồng**.

2. Anh Lăng Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại thôn Y, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội.

Năm 2011, anh Lăng Văn Đ có nhu cầu mua đất ở nên đã nhờ ông Nguyễn Văn B mua hộ một thửa đất tại thôn Y. Sau đó, anh Đ được ông B thông báo có một thửa đất diện tích 160m² tiếp giáp với thửa đất gia đình ông B đang sử dụng, giá bán là 1.200.000 đồng/01m². Anh Đ đồng ý mua. Do chưa có đủ tiền nên anh Đ đưa trước cho ông B số tiền 185.000.000 đồng. Sau đó, ông B đã nộp cho Ban quản lý thôn Y số tiền trên được thể hiện ở 02 phiếu thu. Phiếu thu ngày 21/6/2011 số tiền 125.000.000 đồng và phiếu thu ngày 10/4/2012 số tiền 60.000.000 đồng. Nội dung: Nộp tiền đất khu chăn nuôi, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và người nộp tiền là ông B. Ông B có nói cho Ban quản lý thôn biết việc ông mua đất hộ anh Đ. Sau khi nộp tiền, ông B thông báo cho anh Đ về thôn Y để ký biên bản giao đất. Cùng ngày 10/4/2012, Ban quản lý thôn đại diện là Nguyễn Văn Th đã tiến hành lập biên bản giao đất cho anh Lăng Văn Đ diện tích 160m², tờ bản đồ số 31 tại khu chăn nuôi thôn Y. Số tiền thu được từ việc bán đất cho anh Lăng Văn Đ được Ban quản lý thôn Y nhập vào quỹ thôn và sử dụng để chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn.

Tại Công văn số 96/CV-TNMT ngày 09/10/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T xác định:

- Thời điểm năm 2011, Ban quản lý thôn Y giao bán lô đất cho anh Lăng Văn Đ thì diện tích đất này có mục đích là đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính năm 1991 và 2004) do UBND xã G quản lý.

- Theo quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã G, huyện T thì vị trí lô đất trên được quy hoạch là đất ở.

- Đối với anh Lăng Văn Đ qua kiểm tra hiện trạng thì chưa xây dựng nhà ở trên đất nên căn cứ Khoản 3 Điều 23 tại Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì tại thời điểm hiện nay anh Đ không đủ điều kiện được xem xét cấp GCN QSD đất ở đối với diện tích đất mua từ BQL thôn Y năm 2011.

Thiệt hại của anh Lăng Văn Đ là số tiền **185.000.000 đồng**.

3. Ông Vương Bá H1, sinh năm 1959 trú tại: Thôn Ngh, xã Ngh, huyện T, tỉnh Bắc Ninh:

Năm 2011, Ban quản lý thôn Y tiến hành xây dựng đình làng và ký hợp đồng xây dựng với ông H1. Quá trình xây dựng do không có tiền chi trả tiền công xây dựng nên Ban quản lý thôn đã thỏa thuận gán một thửa đất ở khu chăn nuôi thôn Y cho ông H1 để đổi trừ tiền công xây dựng với giá trị là 240.000.000

đồng và được ông H1 đồng ý. Ban quản lý thôn đã giao cho ông H1 diện tích đất 300m² ở khu chăn nuôi thôn được thể hiện tại phiếu thu ngày 26/11/2011 số tiền 240.000.000 đồng. Nội dung: Nộp tiền mua đất khu chăn nuôi, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và ông H1. Cùng ngày 26/11/2011, Ban quản lý thôn đại diện là Th đã tiến hành lập biên bản giao đất cho ông H1 diện tích 300m², tờ bản đồ số 31 tại khu chăn nuôi thôn Y, biên bản có chữ ký của Th và ông H1. Do không có nhu cầu sử dụng đất nên ông Vương Bá H1 đã chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị Hương với giá 240.000.000 đồng. Bà Hương trả tiền mua đất cho ông H1 làm 02 lần (lần 01 ngày 27/10/2015 số tiền 100.000.000 đồng, có chữ ký của bà Hương, ông H1, Th ký là người chứng kiến; lần 02 ngày 05/1/2016, ông H1 nhận số tiền 140.000.000 đồng còn lại, ông H1 có viết và ký biên bản xác nhận về việc nhận tiền). Việc gán đất cho ông H1 để đổi trừ tiền công xây dựng 240.000.000 đồng, Ban quản lý thôn có vào sổ thu chi của thôn.

Tại Công văn số 15/CV-TNMT ngày 20/2/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T và Công văn số 12/CV-KTHT ngày 04/3/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện T xác định:

- Diện tích đất 300m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 31 do Ban quản lý thôn Y, xã G bán cho ông Vương Bá H1; Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã G, huyện T thì diện tích thửa đất trên được quy hoạch là đất ở.

- Thời điểm năm 2011, Ban quản lý thôn Y bán lô đất diện tích 300 m² cho ông Vương Bá H1 thì diện tích đó là một phần của thửa đất công ích trồng lúa số 150, tờ số 31, diện tích 1666m² do UBND xã G quản lý. Hiện trạng thửa đất này chưa xây dựng nhà ở, chỉ có tường bao và làm vườn cây ăn quả. Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Khoản 3, Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường thì thửa đất trên không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất với mục đích đất ở.

Thiệt hại của ông Vương Bá H1 là số tiền **240.000.000 đồng**.

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh:

Năm 2012, Ban quản lý thôn Y giao bán trái thẩm quyền 01 thửa đất ở khu chăn nuôi thôn Y cho ông Nguyễn Văn T1 với giá: 800.000 đồng/01m² thu số tiền 170.000.000 đồng, được thể hiện tại 02 phiếu thu. Phiếu thu ngày

19/01/2012 số tiền 70.000.000 đồng; phiếu thu ngày 06/3/2012 số tiền 100.000.000 đồng. Nội dung: Nộp tiền đất thừa khu chăn nuôi, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và ông T1. Tương ứng với số tiền đã nộp thì diện tích đất mà Ban quản lý thôn Y đã bán cho ông Nguyễn Văn T1 là 212,5m². Do thừa đất đó liền kề với diện tích đất mà gia đình ông T1 đang sử dụng nên Ban quản lý thôn không lập biên bản giao đất, không đo đạc thực tế để xác định diện tích. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp với UBND xã G xác định phần diện tích đất Ban quản lý thôn Y đã giao bán cho ông Nguyễn Văn T1 thuộc tờ bản đồ số 31, diện tích thực là 379m² (bao gồm cả phần diện tích đất gia đình ông T1 lấn chiếm). Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán đất cho ông Nguyễn Văn T1 được Ban quản lý thôn Y sử dụng để chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn.

Tại Công văn số 15/CV-TNMT ngày 20/02/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T và Công văn số 46/CV-KTHT ngày 05/5/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện T xác định:

- Diện tích đất 379m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 31 do Ban quản lý thôn Y, xã G bán cho ông Nguyễn Văn T1; Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã G, huyện T, thì diện tích thừa đất trên được quy hoạch là đất ở.

- Thời điểm năm 2012, Ban quản lý thôn Y bán lô đất diện tích 379 m² cho ông Nguyễn Văn T1 thì diện tích đó là một phần của thửa đất công ích trồng lúa số 150, tờ số 31, diện tích 1666m² do UBND xã G quản lý. Hiện trạng thửa đất này chưa xây dựng nhà ở, chỉ có tường bao và làm vườn cây ăn quả. Ngoài ra ông T1 đang là chủ sử dụng đối với thửa đất liền kề có nhà ở. Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Khoản 3, Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/1/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường thì thửa đất trên không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất với mục đích đất ở.

Thiệt hại của ông Nguyễn Văn T1 là số tiền **170.000.000 đồng**.

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949; trú tại: Thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh:

Năm 2012, Ban quản lý thôn Y giao bán trái thẩm quyền thửa đất diện tích 200m² ở khu ao Ba Góc thôn Y cho bà N với giá 322.000.000 đồng được thể hiện tại 03 phiếu thu. Phiếu thu ngày 21/5/2012 số tiền 100.000.000 đồng; phiếu

thu ngày 24/5/2012 số tiền 72.000.000 đồng; phiếu thu ngày 08/6/2012 số tiền 150.000.000 đồng. Nội dung: Nộp tiền đất khu ao Ba Góc, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và bà N. Do bà N đã nhiều tuổi, không muốn sau này phải sang tên sổ đỏ nhiều lần nên đã đề nghị Ban quản lý thôn lập 02 biên bản giao đất ghi tên anh Hoàng Văn Á (con trai bà N) và anh Vương Đình T (con rể bà N). Ngày 26/5/2012, Ban quản lý thôn đại diện là Nguyễn Văn Th đã tiến hành lập biên bản giao đất cho anh Ảnh và anh Tùng, mỗi người diện tích 100m² tại khu ao Ba Góc, tờ bản đồ số 33 thôn Y, biên bản có chữ ký của Th và anh Tùng, anh Ảnh. Số tiền Ban quản lý thôn thu được từ việc bán đất cho bà N đã được nhập vào quỹ thôn và sử dụng để chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn.

Sau khi được giao đất, gia đình bà N đã tiến hành đổ đất và rào xung quanh để trồng cây. Ngày 07/8/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đất ở tại các vị trí xen kẹp trong khu dân cư xã G, huyện T, trong đó có diện tích 200 m² đất bà N mua của Ban quản lý thôn Y. Đến ngày 24/11/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 478/QĐ-UBND về việc cho phép UBND xã G sử dụng đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xen kẹp xã G để đấu giá quyền sử dụng đất, trong đó có 200m² đất bà N mua ở trên.

Ngày 11/4/2016, Thanh tra huyện T đã ban hành Kết luận số 26 về việc xác minh nội dung đơn tố cáo của công dân. Căn cứ kết luận nêu trên, UBND huyện T đã ra quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 200m² đất do Ban quản lý thôn Y giao trái thẩm quyền cho bà N và yêu cầu Ban quản lý thôn Y phải trả cho bà N số tiền 322.000.000 đồng. Sau đó, UBND xã G đã nhiều lần yêu cầu Ban quản lý thôn Y giai đoạn 2009 - 2016 trả tiền cho bà N nhưng Th, H, Th1 không có khả năng, điều kiện để trả. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xen kẹp tại thôn Y, UBND xã G phát hiện hộ gia đình bà N đã dựng hàng rào và trồng cây trên đất của dự án. UBND xã G đã nhiều lần làm việc và yêu cầu bà N phải tự giác thu dọn hàng rào và cây trồng để bàn giao mặt bằng nhưng bà N không chấp hành. Vì vậy ngày 26/10/2016, UBND xã G đã tiến hành cưỡng chế giải tỏa hàng rào và cây trồng trên diện tích đất thuộc dự án đất xen kẹp.

Ngày 25/10/2017, anh Hoàng Văn Á và Vương Đình T tham gia đấu giá và đã trúng giá mua 267,7m² đất với giá 760.590.000 đồng. (Trong đó anh Á 151,2m², tiền trúng đấu giá 446.040.000 đồng, số tiền đã nộp 62.300.000 đồng.

Anh T 116,5m², tiền trúng đấu giá 314.550.000 đồng, số tiền đã nộp 43.600.000 đồng), không được khấu trừ số tiền mà bà Nguyễn Thị N đã nộp trước đó cho Ban quản lý thôn Y.

Thiệt hại của bà Nguyễn Thị N là số tiền **322.000.000 đồng**.

6. Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh:

Năm 2012, Ban quản lý thôn Y giao bán trái thẩm quyền thửa đất diện tích 90m² ở vị trí ao Bà Đông thôn Y cho ông Gi với giá 90.000.000 đồng, được thể hiện tại phiếu thu ngày 20/12/2012. Nội dung: Nộp tiền đất còn thiếu khu ao Bà Đông, có đầy đủ chữ ký của Th, H, Thọ và ông Gi. Số tiền thu của ông Gi, Ban quản lý thôn đã tạm ứng trả tiền mua sắm nội thất nhà văn hóa thôn. Đến ngày 16/9/2014, Ban quản lý thôn Y mới nhập số tiền bán đất cho ông Gi vào sổ thu chi của thôn, viết và giao cho ông Gi liên 2 của phiếu thu ghi ngày 16/9/2014 có đầy đủ chữ ký của Ban quản lý thôn Y và ông Gi để hợp thức hóa việc thu chi tài chính của thôn. Sau khi nộp tiền mua đất, ông Gi đã san lấp sử dụng, chưa xây nhà ở. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp với UBND xã G xác định phần diện tích đất Ban quản lý thôn Y đã giao bán cho ông Nguyễn Văn Gi thuộc tờ bản đồ số 33, diện tích thực là 99m².

Tại Công văn số 09/CV-TNMT ngày 14/2/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T và Công văn số 15/CV-KTHT ngày 06/3/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện T xác định:

- Diện tích đất 99m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 33 do Ban quản lý thôn Y, xã G bán cho ông Nguyễn Văn Gi; Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã G, huyện T, thì diện tích thửa đất trên được quy hoạch là đất nuôi trồng thủy sản.

- Thời điểm năm 2012, Ban quản lý thôn Y giao đất cho ông Nguyễn Văn Gi thì phần diện tích đất trên là đất ao do UBND xã G quản lý. Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 và Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thửa đất trên không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất với mục đích đất ở cho hộ ông Gi.

Thiệt hại của ông Nguyễn Văn Gi là số tiền **90.000.000 đồng**.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H phạm tội “Lợi dụng chức

vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2021, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Th kháng cáo kêu oan và cho rằng án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm. Các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo là vì lợi ích chung, không vụ lợi cá nhân, không tham ô. Việc bán đất của các bị cáo là thể hiện nguyện vọng của nhân dân thôn Y và được sự đồng ý, chấp thuận của lãnh đạo Xã, trong đó có ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Kh và ông Trương Văn H.

Ngày 20/9/2021, bị hại Nguyễn Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà N cho rằng 05 gia đình bị hại còn lại không phải bị hại như án sơ thẩm xác định và yêu cầu cấp có thẩm quyền phải bồi thường cho gia đình bà số tiền đồ đất tôn tạo thửa đất và tiền hoa lợi, tài sản, cây cối trên đất khi thi hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại là bà N xin rút toàn bộ kháng cáo. Bị cáo H thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo như vậy là đúng, bị cáo xin rút đơn kháng cáo.

Bị cáo Th thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng, không oan, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo trình bày: Hành vi của các bị cáo xuất phát vì lợi ích chung, không vụ lợi cá nhân, toàn bộ số tiền bán đất đều sử dụng xây dựng công trình phúc lợi cho thôn Y, đến nay bà con trong thôn vẫn đang sử dụng. Các bị cáo không tự ý bán đất mà việc bán đất thể hiện nguyện vọng của nhân dân trong thôn và được sự nhất trí của lãnh đạo cấp trên là ông Nguyễn Văn B – Phó Chủ tịch HĐND xã, ông Nguyễn Văn Kh – Chủ tịch HĐND xã và ông Trương Văn Ho – Nguyên Chủ

tịch UBND xã. Các ông này cũng phải chịu trách nhiệm chung với bị cáo. Bị cáo đề nghị xem xét lại việc tính thiệt hại, án sơ thẩm quy kết như vậy là không đúng. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có nhiều thành tích, được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, là đại hội đại biểu dự Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI năm 1986.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nhận xét vụ án và phân tích hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện rút kháng cáo của bị hại, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn H và chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Th, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Luật sư Thịnh bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Nhất trí với tội danh nhưng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đó là tình trạng chung của các địa phương thời điểm đó, số tiền bán đất bị cáo xây dựng vào các công trình địa phương, không chiếm đoạt cá nhân, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo bị bệnh hiểm nghèo mong HĐXX xem xét. Hơn nữa các cơ quan tiến hành tố tụng T xác định số tiền thiệt hại hơn 1,2 tỷ đồng là không phù hợp quy định của pháp luật vì đối với đất bán trái thẩm quyền nay đã được hợp thức hóa thì thiệt hại thuộc về nhà nước, trong số 6 lô có 4 lô không phù hợp quy hoạch và bị thu hồi. Do vậy phải xác định lại số tiền thiệt hại tránh gây bất lợi cho các bị cáo. Việc không xử lý các ông ở cấp xã là bỏ lọt tội phạm.

Luật sư Chiển trình bày: Đồng ý với quan điểm của luật sư Thịnh. Bị cáo có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của UBND xã giao, bị cáo Th được UBND xã thực hiện một số nhiệm vụ liên quan quản lý đất đai gồm đất hồ ao, đất xen kẽ và được ký hợp đồng giao thầu nên có thể xem xét bị cáo Th là trưởng thôn nhưng cũng được giao một số nhiệm vụ liên quan quản lý đất đai, trên thực tế bị cáo đã thực hiện nhiệm vụ đó. Hiện nay có 4 lô đất đã phù hợp với quy hoạch, phải áp dụng Nghị định 43 của Chính phủ chứ không áp dụng thông tư 02 của Bộ TN&MT để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được giao đất không đúng thẩm quyền.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của các Luật sư, không tham gia tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Việc định giá thiệt hại đều đúng thủ tục định giá. Đối với 4 lô/6 lô thì đã có văn bản trả lời của phòng TN&MT không có đủ thủ tục để được hợp thức hóa, 6 lô đất này có phiếu thu đầy đủ, giá trị thiệt hại dựa trên cơ sở 6 lô không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên án sơ thẩm xác định thiệt hại là đúng. Vụ án này không xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, việc này thuộc về nhiệm vụ của cơ quan hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H và bị hại Nguyễn Thị N rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H và ghi nhận sự tự nguyện rút đơn kháng cáo của bà N. Bản án sơ thẩm đối với bị cáo H và bà N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Đối với bị cáo Th, tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận án sơ thẩm xét xử bị cáo như vậy là đúng. Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở khẳng định: Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2012, do cần tiền chi trả cho các công trình xây dựng như Đình làng và Nhà văn hóa của thôn Y, mặc dù chưa được UBND tỉnh Bắc Ninh cho phép nhưng Nguyễn Văn Th là Trưởng thôn đã chỉ đạo và cùng Nguyễn Văn H là Kế toán thôn cùng với Nguyễn Văn Th là Thủ quỹ thôn thực hiện hành vi bán, giao đất trái pháp luật cho 06 hộ dân gây thiệt hại cho 06 hộ dân này với tổng số tiền là 1.295.000.000 đồng. Trong số 06 hộ dân, có hộ của bà Nguyễn Thị N đã bị UBND huyện thu hồi để bán đấu giá. Các trường hợp còn lại đều không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất với mục đích là đất ở. Do đó, án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm của luật sư liên quan đến chủ thể của tội phạm: Bị cáo Th là trưởng thôn và đã thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến quản lý đất đai, tuy nhiên bị cáo không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định Điều 59 Luật đất đai. Trong vụ án

này các bị cáo ở thôn đều là người có chức vụ, quyền hạn thông qua hình thức bầu cử hoặc bổ nhiệm, có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ được phân công. Như vậy là hoàn toàn thỏa mãn về chủ thể tội phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 352 của BLHS. Hành vi bán đất trái phép là hành vi làm trái công vụ, nhiệm vụ được giao. Các bị cáo bán đất trái phép (tức là từ hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích Nhà nước) để lấy tiền phục vụ cho lợi ích cục bộ của thôn mình, địa phương mình, vì vậy đây chính động cơ vụ lợi vật chất không chính đáng theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Vì vậy quan điểm của luật sư là không có căn cứ.

Đối với trình bày của bị cáo và bào chữa của các luật sư về việc xác định số tiền thiệt hại: HĐXX nhận thấy cả 06 hộ bị hại đều mua đất bán trái thẩm quyền, đến nay các lô đất này đều chưa đủ điều kiện để được xem xét hợp thức hóa và cấp GCNQSD đất, thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là thiệt hại cho chính 06 hộ gia đình này mà không phải là thiệt hại của nhà nước, do vậy có căn cứ xác định thiệt hại mà các bị cáo gây ra là thiệt hại cho cá nhân với tổng số tiền là 1.295.000.000 đồng. Đối đáp của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc bị cáo Th và các luật sư đề nghị định giá lại để xác định thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm hại đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý về đất đai; gây thiệt hại cho Nhà nước và người dân, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan quản lý Nhà nước. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn dẫn đến khiếu kiện kéo dài trong nội bộ quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét, cân nhắc cho bị cáo được các hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bản thân bị cáo không được hưởng lợi gì, tất cả số tiền bán đất đều sử dụng xây dựng công trình phúc lợi của địa phương; đến nay các bị cáo đã bồi thường khắc phục xong cho bà N; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình công tác bị cáo đều được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tình tiết

bị cáo là đại biểu tham dự Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI năm 1986, có anh ruột là liệt sỹ, bản thân được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, do vậy cần chiếu cố, mở lượng khoan hồng giảm một phần hình phạt cho bị cáo Th, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo bị cáo Th cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông B, ông Ho, ông Kh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các ông không tham gia họp dân, không hề biết việc BQL thôn Y bán đất. Bị cáo Th và H không báo cáo việc bán đất để lấy kinh phí xây dựng công trình phúc lợi cho thôn cho các ông biết. Tại các cuộc họp chi bộ thôn, các ông không được họp bàn, không biểu quyết hay đóng góp ý kiến gì về việc đồng ý cho BQL thôn bán đất, các ông cũng không có văn bản chỉ đạo nào, không ký văn bản nào đồng ý cho thôn bán đất. Bị cáo Th đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự với những người này nhưng không cung cấp chứng cứ theo quy định của pháp luật, do vậy không có căn cứ xem xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H và bị hại Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 135/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo Nguyễn Văn H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh liên quan đến bà N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn Th đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Th và bị hại Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Xuân Tuấn